

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH NGÀY 10.04.2017

Thị trường diễn biến kém sôi động khi thanh khoản sụt giảm rõ rệt trên cả 2 sàn vào phiên buổi sáng. Và mặc dù giao dịch trở nên sôi động hơn rõ rệt trong phiên chiều và thanh khoản trên sàn HNX tăng nhẹ 5.74% về GTGD, thanh khoản trên VN-Index sụt giảm mạnh đến 30.72% so với phiên trước khiến thanh khoản toàn thị trường giảm đi 26.7%, đạt 4,550 tỷ đồng. Tuy nhiên, đây vẫn là con số tương đương với các phiên trước, ngoại trừ phiên hôm thứ 6 tuần trước vì phiên này có giao dịch thuận 27.6 triệu cổ phiếu MSN. Hôm nay cả 2 chỉ số chính cùng tăng điểm nhờ lực kéo từ các cổ phiếu vốn hoá lớn là SAB trên VN-Index và SHB trên HNX-Index. Kết phiên, VN-Index tăng 0.26%, trong phiên có thời điểm chỉ số đạt đến 730.9 điểm, trong khi HNX-Index tăng 0.32%.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng loạt giảm điểm, ngoại trừ SHB tăng trần. ACB trong ngày ĐHCĐ đã có phiên giao dịch không khả quan khi kết phiên giảm 1.6%. Có vẻ như cổ đông thất vọng về thông tin ACB không có ý định chuyển nhượng lại mảnh đất tại Mạc Đình Chi, Quận 1, do kết quả kinh doanh khả quan trong năm vừa qua. Việc bán đi mảnh đất vàng này sẽ đem lại cho ACB lợi nhuận đột biến do mảnh đất đã được mua từ trước năm 2000 với giá thấp. Trong khi đó, STB và EIB cũng gặp áp lực chốt lời sau khi đã tăng giá khá tốt trong thời gian qua.

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX	
Chỉ số	729.87	90.43	Cũng trong ĐHCĐ của một ngân hàng lớn khác là VPBank, ngân hàng này cho biết đã tái cấu trúc xong nợ của Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) kèm theo nhận định HAG đã bước ra khỏi khủng hoảng. Có vẻ như câu chuyện về sự phục hồi của HAG đang dần có những bằng chứng cụ thể hơn.
% thay đổi	0.26%	0.32%	
Tổng KLGD (triệu CP)	152.41	68.28	
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3,693.74	688.78	
KL Dư mua (triệu CP)	132.02	34.44	
KL Dư bán (triệu CP)	115.67	36.85	

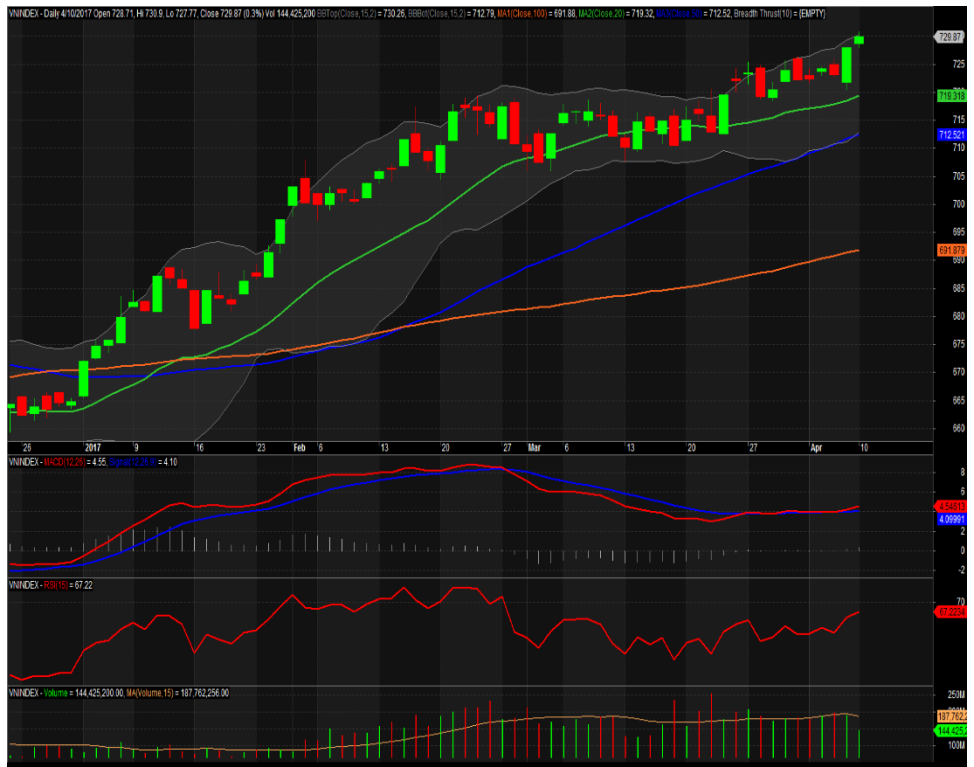
Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX	
KL NĐTNN mua (triệu CP)	13.99	2.80	Nhóm ngành chứng khoán đồng loạt tăng trong phiên hôm nay ngoại trừ MBS, trong khi nhóm ngành bảo hiểm đồng loạt giảm điểm ngoại trừ BVH.
KL bán (triệu CP)	8.13	2.67	
GT mua (tỷ đồng)	580.94	41.18	
GT bán (tỷ đồng)	302.17	26.62	
KL mua/bán ròng (triệu CP)	5.86	0.12	
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	278.78	14.56	

Chỉ số thị trường	HOSE	HNX	
P/B	4.59	1.69	Nhóm cổ phiếu BĐS phiên hôm nay giao dịch sôi động với nhiều cổ phiếu tăng mạnh. PDR, LDG, VPH tăng hết biên độ, NLG tăng lên đỉnh cao nhất 4 năm.
P/E	16.90	11.56	
Beta	0.90	0.79	
ROE	21.3%	15.0%	
ROA	11.0%	6.1%	

Khối ngoại sau phiên bán ròng thứ 6 tuần trước đã trở lại mua ròng mạnh mẽ hơn, mục tiêu mua ròng vẫn là những cổ phiếu quen thuộc: HPG, VJC, HSG, VNM. Ngoài ra còn có CII và SSI với giao dịch mua ròng đột biến từ khối ngoại.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT NGÀY 10.04.2017

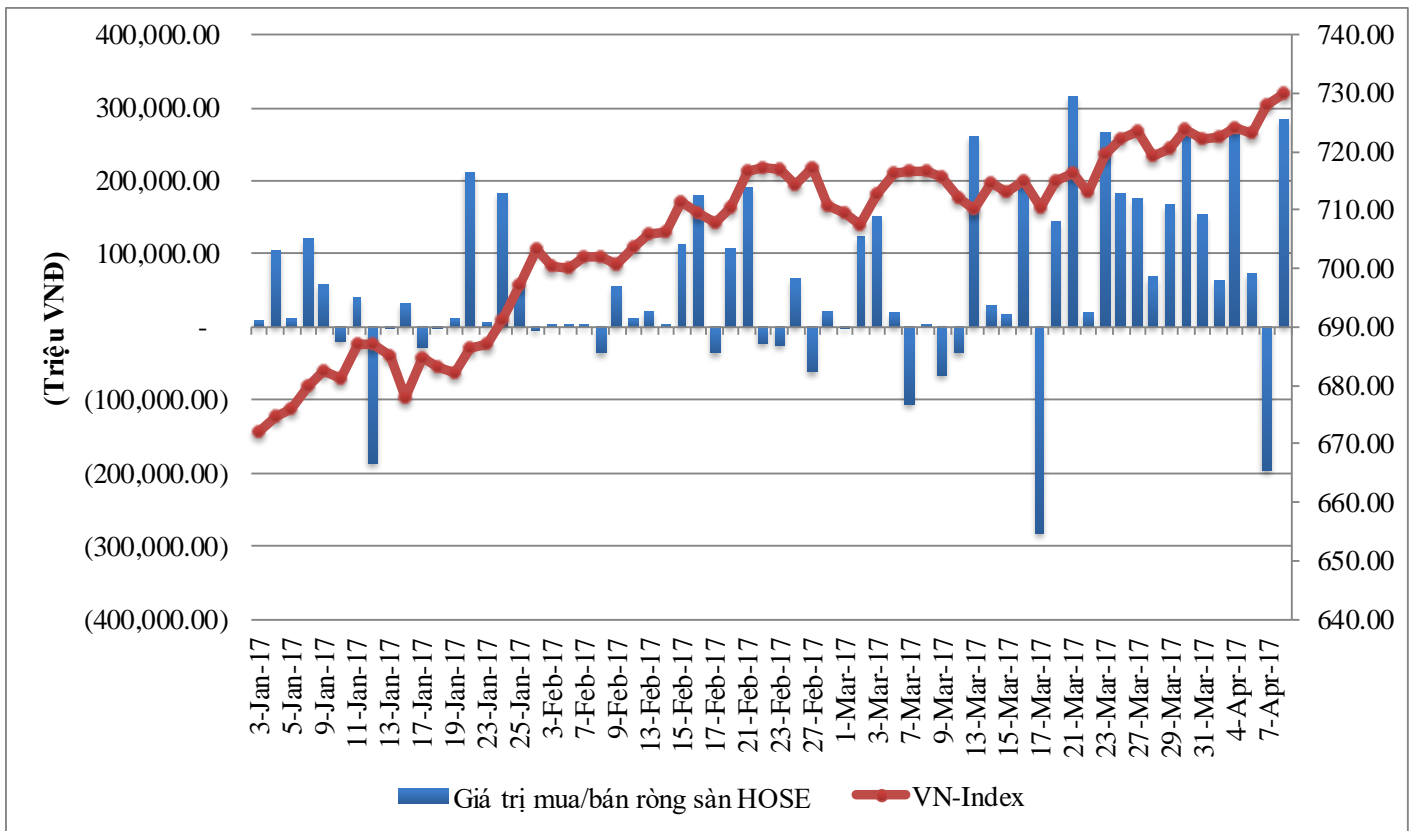
VN-INDEX: Chỉ số tiếp tục đà tăng từ cuối tuần trước. Thanh khoản có chút sụt giảm về KL nhưng vẫn duy trì được về mặt giá trị. Cần lưu ý với quý nhà đầu tư, GTGD hiện tại của VN-index đang được duy trì bởi ROS, khi riêng cp này đóng góp đến hơn 1/4 tổng GTGD trên HOSE. Các chỉ báo tiếp tục cho dấu hiệu mua khi chỉ báo MACD cho thấy xu hướng phân kỳ của đường MACD và đường tín hiệu trong khi RSI đảm bảo về lực cầu vẫn còn khá tích cực.



HNX-INDEX: Chỉ số bật tăng lại sau khi giảm về ngang mức MA20 kèm theo thanh khoản tăng, cho thấy lực cầu khá tốt sau 2 nhịp điều chỉnh trước đó. Tuy nhiên, các chỉ báo MACD và RSI vẫn cho tín hiệu bán. Có thể thấy lực cầu vẫn chưa đồng thuận và chỉ số có thể sẽ đi ngang trong một vài phiên sắp tới trước khi xác định xu hướng tiếp theo. Tuy nhiên, chúng tôi thiên về khả năng tăng điểm của chỉ số hơn.



Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin

- HFC Việt Nam đăng ký bán 20 triệu cổ phiếu, không còn là cổ đông lớn của SAM. Giao dịch dự kiến thực hiện từ ngày 12/4 đến 11/5, theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Nếu việc bán ra thành công, HFC Việt Nam sẽ giảm sở hữu tại SAM từ hơn 27.41 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 15.21% vốn điều lệ xuống còn 7.41 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 4.11%. (Theo Đầu tư chứng khoán)
- **Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm (HOSE: IMP)** dự kiến trình đại hội thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017 với chỉ tiêu doanh thu 1,260 tỷ đồng, tăng 23.4%; LNTT 160 tỷ đồng, tăng 13.9% so với năm 2016. (Theo Đầu tư chứng khoán)
- **Tổng công ty Khí Việt Nam - PV Gas (HOSE: GAS)** cho biết, trong quý I/2017, Tổng công ty đạt doanh thu trên 15,000 tỷ đồng, bằng 30% kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế đạt 1,476 tỷ đồng, bằng 28% kế hoạch năm. (Theo Đầu tư chứng khoán)
- **CTCP Bia Thanh Hóa (HNX: THB)** sẽ trả cổ tức 2016 bằng tiền tỷ lệ 8.5%, ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 20/04/2017, thời gian thực hiện là ngày 17/05/2017.
- **CTCP Đầu tư Thương mại SMC (HOSE: SMC)** công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 3 năm 2016 và cũng là đợt cuối cùng, tỷ lệ thực hiện 5%. Theo đó, ngày thanh toán dự kiến là 04/05/2017.

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

HOSE

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ROS	169,100	-0.12%	6,106,090	1,024,889
2	CII	37,950	-0.65%	4,411,530	165,875
3	STB	12,800	-2.66%	10,962,740	144,740
4	VJC	130,800	1.32%	1,065,530	139,315
5	HPG	31,950	0.31%	4,318,150	137,804
6	VNM	142,600	0.00%	787,990	112,184
7	HSG	52,000	0.39%	2,041,010	106,155
8	NVL	70,500	0.14%	1,299,710	91,767
9	FLC	8,160	0.37%	10,141,310	83,511
10	DXG	23,000	2.22%	3,620,000	82,968

HNX

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	SHB	6,300	8.62%	27,194,165	165,484
2	ACB	24,400	-1.61%	5,210,050	102,278
3	CEO	11,800	1.72%	4,172,644	61,538
4	HKB	7,100	-8.97%	3,380,687	25,057
5	VCG	15,400	-1.28%	2,192,251	24,746
6	HUT	13,500	-1.46%	1,622,851	20,696
7	VC3	37,200	-2.11%	1,600,608	20,330
8	SHS	8,400	9.09%	1,523,818	18,010
9	VND	15,800	9.72%	1,166,604	17,887
10	DST	25,000	0.40%	1,033,320	16,471

Top tăng giá HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	DAG	13,850	6.95%	682,180	9,242
2	STG	24,250	6.83%	316,370	7,656
3	PDR	22,000	6.80%	226,910	4,902
4	C47	11,200	6.67%	282,770	3,134
5	LDG	11,250	6.64%	748,650	8,402
6	VPH	11,250	6.64%	605,100	6,663
7	NLG	29,000	6.23%	2,145,890	60,114
8	PHR	27,500	4.96%	585,090	16,027
9	DHM	5,450	4.21%	778,990	4,196
10	CTI	30,200	3.60%	816,230	24,039

Top tăng giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	VND	15,800	9.72%	1,166,604	17,887
2	SHS	8,400	9.09%	2,192,251	18,010
3	SHB	6,300	8.62%	27,194,165	165,484
4	DPS	3,000	7.14%	848,762	2,464
5	BVS	17,100	3.64%	363,122	6,116
6	VIX	6,200	3.33%	422,139	2,556
7	TVC	13,400	3.08%	775,700	10,247
8	NHP	3,900	2.63%	230,923	882
9	CEO	11,800	1.72%	5,210,050	61,538
10	HDA	11,500	0.88%	331,800	3,872

Top giảm giá sàn HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HID	3,630	-6.92%	2,923,540	10,628
2	ATG	2,110	-6.64%	261,010	553
3	AGR	3,410	-6.32%	2,128,150	7,298
4	HHS	4,430	-4.73%	3,336,680	15,134
5	TCM	22,900	-3.58%	743,830	17,268
6	PPI	3,100	-3.43%	1,179,510	3,703
7	DGW	16,750	-3.18%	391,330	6,652
8	DLG	3,390	-3.14%	3,692,080	12,721
9	PAC	36,000	-2.70%	227,160	8,284
10	STB	12,800	-2.66%	10,962,740	144,740

Top giảm giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	TTH	10,800	-10.00%	714,540	7,837
2	HKB	7,100	-8.97%	3,380,687	25,057
3	TEG	8,700	-6.45%	1,033,320	9,236
4	CTP	14,100	-6.00%	222,400	3,184
5	TIG	3,700	-2.63%	215,120	804
6	VC3	37,200	-2.11%	538,530	20,330
7	MST	10,600	-1.85%	290,900	3,074
8	IVS	11,200	-1.75%	284,350	2,937
9	ACB	24,400	-1.61%	4,172,644	102,278
10	VGS	12,700	-1.55%	283,290	3,640

Thông kê giao dịch khối ngoại

HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	HPG	1,343,850	42,892,402	104,756,527	36.6%
2	VJC	324,490	42,460,520	12,760,540	25.8%
3	CII	1,107,970	41,908,068	29,081,467	59.4%
4	SSI	1,358,730	31,994,365	219,040,975	55.3%
5	HSG	525,440	27,308,882	37,783,587	29.8%
6	VNM	400,000	17,866,805	660,538,025	54.5%
7	BMP	73,000	14,464,375	199,380	48.6%
8	VIC	339,280	14,322,737	501,768,765	10.0%
9	GAS	217,700	12,417,299	886,473,332	2.7%
10	NKG	267,980	11,799,810	12,887,548	29.5%

HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VND	850,500	13,017,300	3,178,788	47.0%
2	VGC	322,500	5,171,360	65,014,738	27.8%
3	SHS	485,000	4,002,030	34,422,134	14.6%
4	BVS	182,080	3,070,524	16,107,657	26.7%
5	PGS	32,000	563,200	15,650,532	17.7%
6	VIT	12,600	380,520	6,991,825	2.4%
7	VSA	10,700	256,800	5,268,300	3.8%
8	DNP	5,000	139,500	13,661,628	3.5%
9	MAS	1,200	120,120	1,012,715	15.3%
10	TNG	7,900	105,860	9,187,690	22.2%

Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NLG	(978,370)	(27,435,258)	6,633,678	44.3%
2	KDC	(351,260)	(14,175,249)	81,405,989	17.3%
3	DXG	(254,780)	(5,852,879)	51,857,607	28.5%
4	E1VFN30	(489,000)	(5,557,090)	4,056,370	89.6%
5	STB	(173,790)	(2,329,564)	283,791,647	8.6%
6	HT1	(85,010)	(1,988,609)	151,507,286	9.3%
7	DCM	(180,000)	(1,864,000)	240,286,613	3.6%
8	DPM	(74,950)	(1,772,324)	112,505,976	20.3%
9	ROS	(10,000)	(1,661,000)	206,578,720	1.0%
10	BFC	(44,380)	(1,533,873)	17,569,062	18.3%

Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	SHB	(1,336,400)	(7,559,800)	206,550,700	15.9%
2	VCG	(70,000)	(1,084,140)	182,196,737	7.8%
3	PVS	(56,000)	(940,800)	95,246,601	27.7%
4	VIX	(125,900)	(761,260)	20,244,056	20.1%
5	TTC	(19,700)	(358,310)	2,461,673	7.9%
6	DHP	(30,000)	(282,000)	3,523,178	11.9%
7	CTP	(20,000)	(280,330)	4,880,000	0.2%
8	GMX	(8,100)	(194,250)	2,457,440	2.8%
9	CAP	(6,000)	(188,510)	2,082,476	5.3%
10	BCC	(8,800)	(142,360)	45,359,818	7.8%

Thông kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Công nghệ Thông tin	27,863.72	1%	-1.25%	1.50%	11.01	1.99	16%	7%	6%	20%
Công nghiệp	426,547.85	19%	0.05%	3.52%	20.37	4.89	16%	8%	15%	22%
Dầu khí	16,654.81	1%	-1.17%	-5.23%	14.45	0.66	5%	2%	-7%	-6%
Dịch vụ Tiêu dùng	134,710.26	6%	0.44%	-3.68%	18.42	5.00	36%	10%	23%	7%
Dược phẩm và Y tế	32,376.46	1%	-0.93%	10.97%	24.80	3.36	22%	14%	12%	40%
Hàng Tiêu dùng	609,235.92	27%	0.52%	3.80%	19.73	6.82	30%	20%	16%	34%
Ngân hàng	362,577.90	16%	-0.20%	2.36%	13.83	1.74	12%	1%	23%	52%
Nguyên vật liệu	154,164.51	7%	0.45%	4.79%	9.68	1.83	19%	10%	5%	15%
Tài chính	344,854.45	15%	-0.08%	1.83%	23.22	2.79	10%	3%	16%	27%
Tiện ích Cộng đồng	166,913.18	7%	-0.60%	-3.46%	13.11	2.24	16%	10%	14%	24%
Viễn thông	13,910.85	1%	0.22%	-2.39%	13.56	4.13	30%	11%	14%	44%

TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	22.06	1,451	43.16%	32.89%	206,971.82
2	SAB	SABECO	6,983	29.93	641	33.80%	21.97%	134,027.77
3	VCB	Vietcombank	1,899	19.33	3,598	14.70%	0.93%	132,038.11
4	VIC	VinGroup	928	45.68	2,638	5.89%	1.50%	111,838.82
5	GAS	PV Gas	3,675	15.48	1,913	16.77%	12.37%	108,869.51
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,144	147.78	430	11.63%	7.39%	72,713.00
7	CTG	VIETINBANK	1,828	9.79	3,723	11.48%	0.79%	66,648.94
8	BID	BIDV	1,795	9.47	3,419	14.70%	0.66%	58,118.16
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	18.81	1,138	11.77%	3.85%	52,929.19
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Nova)	3,238	21.77	589	20.63%	5.28%	41,550.53

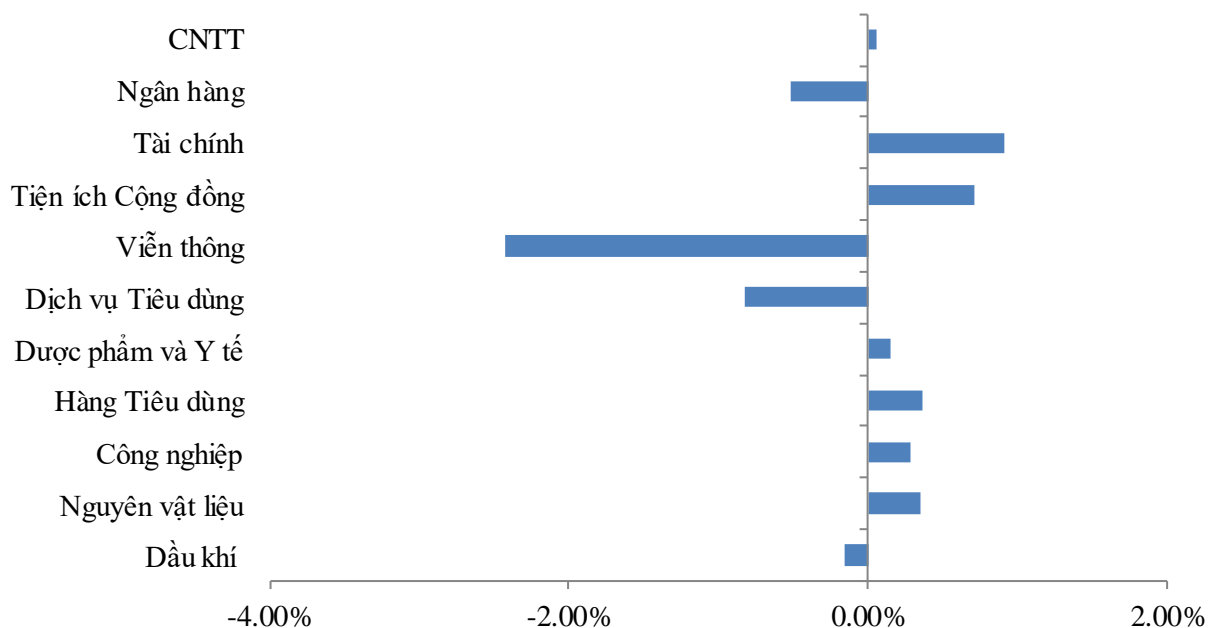
TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	18.15	986	9.87%	0.61%	24,055.99
2	VCS	VCS STONE	12,009	13.33	60	55.28%	22.09%	9,606.00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,325	7.27	447	8.79%	4.00%	7,549.24
4	SHB	SHB	921	6.84	1,119	7.66%	0.43%	7,050.92
5	VCG	VINACONEX	1,095	14.07	442	6.54%	2.22%	6,802.34
6	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	11.96	222	7.96%	3.36%	6,452.13
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	14.22	74	22.38%	11.90%	5,651.92
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,410	11.14	327	12.12%	8.82%	5,133.27
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,820	8.79	307	13.40%	4.17%	4,912.00
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	13.17	131	8.87%	3.74%	3,158.93

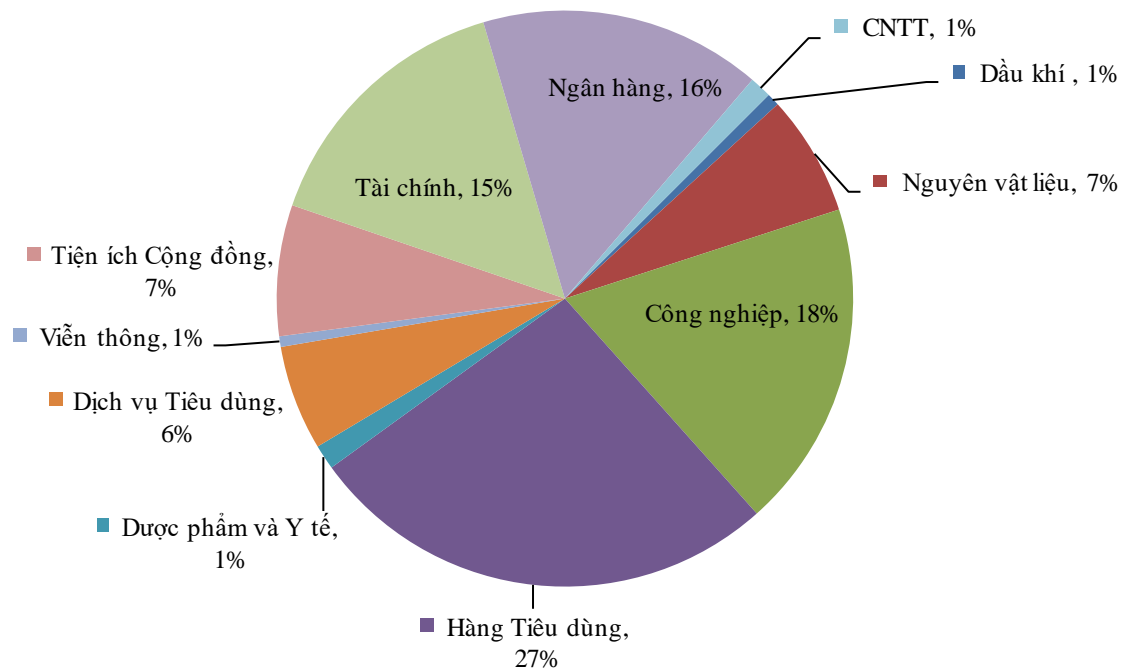
TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

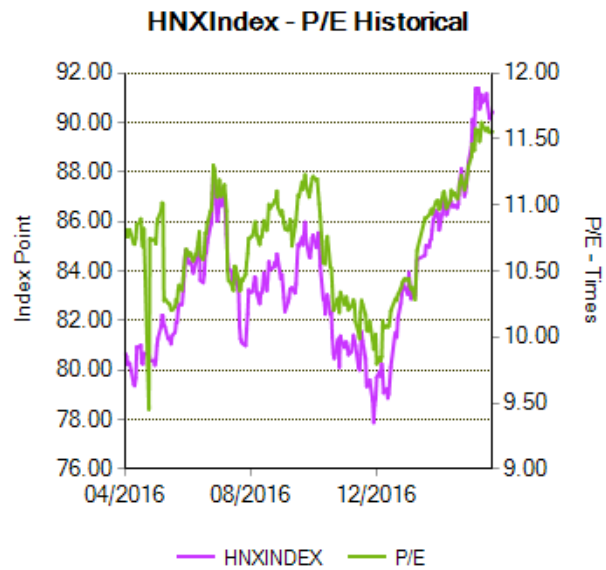
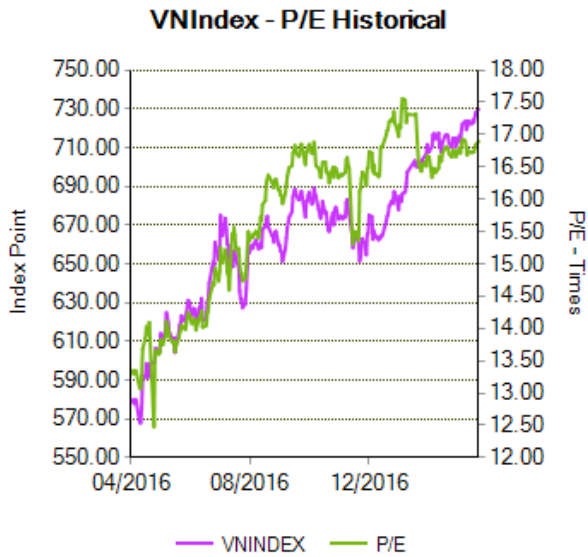
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	50.50	2,177	8.33%	3.86%	110,143.19
2	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	12.38	538	21.66%	15.32%	34,399.19
3	HVN	Vietnam Airlines	1,749	15.09	1,228	14.48%	2.21%	32,394.62
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,575	16.12	188	43.25%	24.96%	22,905.40
5	FOX	FPT Telecom	6,698	13.86	137	30.82%	11.15%	12,723.59
6	MSR	Tài Nguyên MASAN	153	103.88	704	0.94%	0.41%	11,158.22
7	VIB	VIBBank	900	20.76	564	6.47%	0.59%	10,549.39
8	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	222.92	167	2.58%	2.56%	9,902.94
9	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680	0.23%	0.05%	9,520.00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-528	-153.37	107	-6.48%	-4.99%	8,691.22

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn